

**ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA
MÔN SÁNG CHẾ**

Đáp án Đề 2

Câu hỏi 1: 3 điểm

Các ý trả lời	Điểm	Ghi chú
Điểm yêu cầu bảo hộ độc lập (điểm độc lập) được hiểu trong ngữ cảnh của việc xác định phạm vi yêu cầu bảo hộ (PV YCBH), cụ thể PV (YC) BH có thể bao gồm một hoặc nhiều điểm, trong đó PV (YC) BH nhiều điểm có thể được dùng để thể hiện một đối tượng cần được BH, với điểm đầu tiên (gọi là điểm độc lập); hoặc thể hiện một nhóm đối tượng YC được BH, với một số điểm độc lập, mỗi điểm độc lập thể hiện một đối tượng yêu cầu được BH trong nhóm đó, mỗi điểm độc lập này có thể có điểm (các điểm) phụ thuộc.	0,1	
- Điểm 23.6.c.vi Thông tư (**) - Theo đó: các điểm độc lập là: 1, 3, 4, 5	0,1 0,1x4	
- Các tài liệu cần có trong đơn đăng ký sáng chế + Tờ khai đăng ký sáng chế; + Điều 100.1.a Luật Sở hữu trí tuệ(*), và/hoặc điểm 7.1.a.i Thông tư(**) + Bản mô tả sáng chế	0,1 0,1 0,1	

+ Điều 100.1.b và khoản 1, Điều 102 Luật Sở hữu trí tuệ(*), và/hoặc điểm 7.1.a.ii Thông tư Thông tư(**)	0,1	
	0,1	
+ Bản tóm tắt sáng chế	0,1	
+ Điều 100.1.b và khoản 1 Điều 102.1.b Luật Sở hữu trí tuệ(*), và/hoặc Điểm 7 Thông tư(**)	0,1	
	0,1	
+ Giấy uỷ quyền của ông A và Giấy uỷ quyền của ông B; hoặc Giấy uỷ quyền của cả ông A và ông B	0,1	
+ Điều 100.1.c Luật Sở hữu trí tuệ(*), và/hoặc điểm 7 Thông tư(**)	0,1	
	0,1	
+ Yêu cầu hưởng quyền ưu tiên		
+ Điều 100.1.d Luật Sở hữu trí tuệ(*),	0,1	
	0,1	
+ Chứng từ nộp phí, lệ phí		
+ Điều 100.1.e Luật Sở hữu trí tuệ(*), và/hoặc điểm 7.1.a.iii Thông tư(**)	0,1	
	0,1	
+ Yêu cầu công bố sớm		
+ Điểm 14.2.a (iii) Thông tư(**)	0,1	
	0,1	
+ Yêu cầu thẩm định nội dung		Trường hợp phí yêu cầu TĐND đã nộp mà thí sinh không đề

		cập yêu cầu TĐND nộp riêng thì vẫn được chấp nhận cho điểm
- Các khoản lệ phí và phí		
Theo TT 263/2016/TT-BTC	0,1	
+ Lệ phí nộp đơn: 150.000VNĐ	0,1	
+ Phí thẩm định hình thức: 720.000VNĐ	0,1	180.000VNĐ x 4 điểm yêu cầu bảo hộ độc lập
+ Phí thẩm định hình thức và nội dung từ trang thứ 7 bản mô tả trở đi: 960.000VNĐ	0,1	40.000VNĐ x 24 trang
+ Phí công bố đơn: 120.000VNĐ	0,1	
+ Phí công bố từ hình thứ 2 trở đi: 60.000VNĐ	0,1	
+ Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: 1.200.000VNĐ	0,1	600.000VNĐ x 2 đơn ưu tiên
+ Phí tra cứu thông tin nhằm phục vụ quá trình thẩm định: 2.400.00VNĐ	0,1	600.000VNĐ x 4 điểm yêu cầu bảo hộ độc lập
+ Phí thẩm định nội dung: 2.880.00VNĐ	0,1	720.000VNĐ x 4 điểm yêu cầu bảo hộ độc lập

(*): Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14;

Handwritten signature and initials

(**): Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016

Câu hỏi 2: 3 điểm

Các ý trả lời	Điểm	Ghi chú
Đánh giá tính mới:		
- Thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay X có tính mới.	0,2	Chỉ cần trích dẫn hoặc Luật hoặc Thông tư
- Lý do: + Thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay X không bị bộc lộ trong bài báo 1 và bài báo 2;	0,2	
+ quy định nêu tại điểm 25.5 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN hoặc quy định nêu tại Khoản 1 Điều 60 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11T	0,1	
+ Tuy thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay X được bộc lộ trong bài báo 3 nhưng do chính người nộp đơn bộc lộ và trong thời gian được hưởng ân hạn	0,2	
+ theo Khoản 3 Điều 60 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 42/2019/QH14.	0,1	
- Thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay Y không có tính mới.	0,2	Chỉ cần trích dẫn hoặc Luật hoặc Thông tư là nhận đủ 0,1 điểm
- Lý do: + Thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay Y bị bộc lộ trong bài báo 2;	0,2	
+ quy định nêu tại điểm 25.5 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN hoặc quy định nêu tại Khoản 1 Điều 60 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11.	0,1	
- Thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay Z có tính mới;	0,2	
- Lý do: + Thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay Z không bị bộc		

<p>lộ trong bài báo 1 và bài báo 2; + quy định nêu tại điểm 25.5 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN hoặc quy định nêu tại Khoản 1 Điều 60 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 + Tuy thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay Z được bộc lộ trong bài báo 3 nhưng do chính người nộp đơn bộc lộ và trong thời gian được hưởng ân hạn + theo Khoản 3 Điều 60 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 42/2019/QH14</p>	<p>0,2 0,1 0,2 0,1</p>	<p>Chỉ cần trích dẫn hoặc Luật hoặc Thông tư</p>
<p>Xác định tính thống nhất:</p>		
<p>- Đơn có tính thống nhất khi yêu cầu bảo hộ cho các thiết bị nhiệt được trị liệu cầm tay X, Y và Z có mối liên hệ chặt chẽ về mặt kỹ thuật nhằm thực hiện một ý đồ sáng tạo chung duy nhất; + theo Khoản 2 Điều 101 Luật Sở hữu trí tuệ hoặc quy định tại điểm 23.3.b Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.</p>	<p>0,2 0,1</p>	
<p>- Trên cơ sở dữ liệu đầu bài thì đơn sáng chế đối với các thiết bị nhiệt được trị liệu cầm tay X, Y và Z nêu trên không đáp ứng điều kiện tính thống nhất.</p>	<p>0,2</p>	
<p>- Lý do: Đơn gồm có 03 nhóm sáng chế: X, Y, Z và việc đánh giá tính thống nhất như sau. + Tính thống nhất phụ thuộc vào hai yếu tố: dấu hiệu kỹ thuật chung là thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay bao gồm các dấu hiệu kỹ thuật A, B; và dấu hiệu kỹ thuật C, D, E; + Tuy nhiên, dấu hiệu kỹ thuật chung là thiết bị nhiệt trị liệu cầm tay bao gồm các dấu hiệu kỹ thuật A và B là đã biết do bộc lộ trong Bài báo 1, 2, còn dấu hiệu kỹ thuật C, D, E là hoàn toàn khác nhau.</p>	<p>0,2 0,2</p>	

Câu hỏi 3: 3 điểm

Handwritten marks:
+ RP
RP

Xác định các đối tượng không được bảo hộ sáng chế	Điểm	Ghi chú
<p style="text-align: center;">Các ý trả lời</p> <p>- Đối tượng “Tín hiệu”</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ đối tượng “Tín hiệu” không được coi là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình;</p> <p>+ Khoản 12 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p>	
<p>- Đối tượng “Chương trình máy tính”</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ đối tượng “Chương trình máy tính” không phải là đối tượng được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế;</p> <p>+ Khoản 2 Điều 59 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p>	
<p>- Đối tượng “Phương pháp giảng dạy”</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Đối tượng “Phương pháp giảng dạy” là phương pháp hoạt động trí óc không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế;</p> <p>+ Khoản 2 Điều 59 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p>	
<p>- Đối tượng “Phương pháp sử dụng dược phẩm M để làm giảm tình trạng bệnh”</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Đối tượng “Phương pháp sử dụng dược phẩm M để làm giảm tình trạng bệnh” có bản chất là phương pháp điều trị bệnh không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế;</p> <p>+ Khoản 7 Điều 59 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p>	
<p>- Đối tượng “Phương pháp phân loại sách theo lĩnh vực kỹ thuật”</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Đối tượng “Phương pháp phân loại sách theo lĩnh vực kỹ thuật” là cách thức tư duy và không phải là giải pháp kỹ thuật;</p> <p>+ Khoản 12 Điều 4 và/hoặc Khoản 2 Điều 59 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p>	

Câu hỏi 4: 1 điểm

Đáp án

Thiếu số lượng bộ bản vẽ theo quy định, cần 04 bộ thay vì 02 bộ	0,1	
Điểm 28.2.a Thông tư 01	0,1	
Bộ bản vẽ của 05 lớp trên 02 trang giấy, không phù hợp với quy định vì cần tách riêng bản vẽ cho mỗi lớp trên từng trang riêng biệt.	0,1	
Điểm 28.6.d.i Thông tư 01	0,1	
Độ phóng đại của các bản vẽ 10, 20, 30, các bản vẽ không cùng tỷ lệ như yêu cầu.	0,1	
Điểm 28.6.d.ii Thông tư 01	0,1	
Độ phóng đại 10 của bản vẽ nhỏ hơn độ phóng đại tối thiểu là 20 theo quy định.	0,1	
Điểm 28.6.d.ii Thông tư 01	0,1	
TKBT chưa khai thác thương mại và yêu cầu bảo mật 2 trong số 5 lớp không phù hợp với khả năng bảo mật tối đa 50% bề mặt mỗi lớp.	0,1	
Điểm 29.1.a Thông tư 01	0,1	